

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN

Địa chỉ: Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN

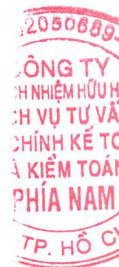
Báo cáo tài chính năm 2010

kết thúc vào ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán



MỤC LỤC

Nội Dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3-5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010	7 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2010	12
- Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2010	13 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà - Long An (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính năm 2010 kết thúc vào ngày 31/12/2010.

Công ty Cổ phần Hồng Hà - Long An được thành lập theo Biên bản thỏa thuận số 01/05 BB – HH-LA ngày 01/08/2005 về việc thành lập và góp vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần Hồng Hà Long An. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100682291 (số cũ 5003000119) ngày 14/9/2005, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10 ngày 08/12/2010 do phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Long An cấp.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- 1 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Mã ngành: 4290 (chính)
- 2 - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản. Mã ngành: 46204
- 3 - Bán buôn thủy sản. Mã ngành: 46322.
- 4 - Bán buôn gạo. Mã ngành: 46310.
- 5 - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh. Mã ngành: 47222.
- 6 - Xây dựng lắp đặt, sửa chữa các công trình dân dụng, công nghiệp, các công trình kỹ thuật, hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, xử lý môi trường; cung cấp, lắp đặt đường dây, trạm biến áp, thiết bị công nghiệp, hệ thống cơ lạnh; thi công trang trí nội thất công trình; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, giám sát xây dựng công trình, quản lý dự án các công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; kinh doanh nhà; dịch vụ môi giới, tư vấn về bất động sản; sản xuất kinh doanh thiết bị xây dựng kết cấu thép tiền chế, các sản phẩm cơ khí, phân bón, hóa chất, trang thiết bị, dụng cụ trường học, bệnh viện, văn phòng, thể thao; mua bán vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, phụ tùng; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách bằng đường bộ và đường thủy; cho thuê thiết bị, máy móc xây dựng, thiết bị dây chuyền sản xuất vật liệu xây dựng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận kinh doanh năm tài chính 2010 của Công ty (lãi): **167.228.219** đồng.

Các nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm 2010:

- Do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới nên Việt Nam cũng bị tác động. Các dự án đầu tư xây dựng mới của các nhà đầu tư trong và ngoài nước tại thị trường tỉnh Long An giảm sút rất nhiều dẫn đến sản lượng bê tông tại khu vực tỉnh Long An sụt giảm nhiều so với trung bình năm trước. Vì vậy sản lượng bê tông của Công ty cũng giảm sút đáng kể.
- Do cơ chế thị trường tự do, các Công ty sản xuất ngành bê tông cạnh tranh gay gắt, giá bê tông bán giảm, sản lượng bán không đạt được như kế hoạch đề ra nên dẫn đến kết quả kinh doanh của Công ty không đạt được lợi nhuận cao.
- Tình hình thu hồi Công nợ của các khách hàng mua bê tông không thuận lợi, các khách hàng không thanh toán tiền hàng đúng kỳ hạn nên Công ty đã không thể trả nợ cho các khoản vay với

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN

Địa chỉ: Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An

Ngân hàng. Mặt khác đối với các khoản nợ trên 1 năm không thu hồi được Công ty phải thực hiện lập dự phòng vào chi phí theo thông tư hướng dẫn số 228/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính nên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

- Do ảnh hưởng lạm phát tại Việt Nam, giá đầu vào của nguyên liệu (Xi măng, đá, cát, xăng dầu) tăng, chi phí tiền lương của người lao động doanh nghiệp phải chi trả cao hơn so với chi phí tiền lương của các năm trước. Cộng với sự thắt chặt chính sách tiền tệ của các Ngân hàng, lãi suất Ngân hàng tăng cao đã làm tăng chi phí lãi vay của Công ty trong năm 2010 do Công ty phần lớn sử dụng vốn vay của Ngân hàng để kinh doanh.
- Tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn, sản lượng tiêu thụ giảm, nhiều tài sản của Công ty hoạt động chưa hết công suất nhưng Công ty vẫn phải trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng nên ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Công ty.
- Các tài sản của Công ty là xe vận tải bê tông tươi, do xe đã đưa vào vận chuyển bê tông tươi với thời gian 3-5 năm, năm 2010 toàn bộ xe vận tải đến chu kỳ sửa chữa, bảo dưỡng và thay thế các phụ tùng Công ty phải hạch toán vào chi phí nên làm tăng chi phí của Công ty và giảm lợi nhuận đáng kể.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên của Hội đồng quản trị gồm:

Ông : Phạm Văn Tiến	Chủ tịch
Ông : Nguyễn Văn Nam	Ủy viên
Ông : Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên
Ông : Nguyễn Trọng Toán	Ủy viên
Ông : Trần Văn Sỹ	Ủy viên

Các thành viên của Ban kiểm soát gồm:

Ông : Hoàng Mạnh Tường	Trưởng ban
Ông : Lê Quang Vinh	Thành viên
Ông : Nguyễn Duy Khương	Thành viên

Các thành viên của Ban giám đốc gồm:

Ông : Phạm Văn Tiến	Tổng Giám Đốc
Ông : Nguyễn Văn Thanh	Phó Tổng Giám Đốc
Ông : La Vĩnh Nhơn	Phó Tổng Giám Đốc

Kế toán trưởng

Ông : Vũ Xuân Mạch

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Việc lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục;

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

*Phê duyệt của HĐQT Công ty về nội dung
trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc*

TM. Hội đồng Quản Trị Công ty

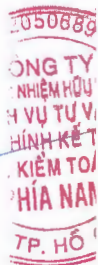
Chủ tịch



Phạm Văn Giản

Long An, ngày 09 tháng 11 năm 2011

**TM. BAN GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Số: 348...BCKT/TCTp. HCM, ngày 09 tháng 04 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2010 kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán

Kính gửi: - *Hội Đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Hồng Hà - Long An*

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được lập ngày 20/01/2011 của **Công ty Cổ phần Hồng Hà - Long An** đính kèm từ trang 7 đến trang 30.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về báo cáo tài chính căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện tiến hành một số thủ tục kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính.

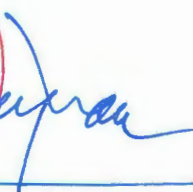
Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan.

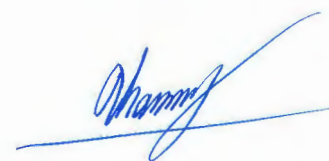
**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán
và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**

Tổng Giám Đốc



LÊ VĂN TUẤN

Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV

Kiểm toán viên**LÊ VĂN THẮNG**

Chứng chỉ KTV số: 0974/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		48.389.449.913	45.719.969.641
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.696.514.381	3.334.787.155
1	Tiền	111	V.01	1.696.514.381	3.334.787.155
2	Các khoản tương đương tiền	112			
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1	Đầu tư ngắn hạn	121			
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.061.850.177	35.628.606.187
1	Phải thu khách hàng	131	V.02	41.797.183.022	37.195.592.447
2	Trả trước cho người bán	132	V.02	65.841.841	93.920.175
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5	Các khoản phải thu khác	135	V.02	202.366.877	330.816.026
6	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	V.02	(3.003.541.563)	(1.991.722.461)
IV.	Hàng tồn kho	140		3.412.871.206	3.598.756.195
1	Hàng tồn kho	141	V.03	3.412.871.206	3.598.756.195
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		4.218.214.149	3.157.820.104
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	2.528.599.906	1.532.771.580
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152			95.805.851
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	19.399.285	
5	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	1.670.214.958	1.529.242.673
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.899.176.570	28.642.208.193
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3	Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4	Phải thu dài hạn khác	218			
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II.	Tài sản cố định	220		19.289.264.570	20.197.239.533
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	12.900.583.112	14.262.870.767
-	- Nguyên giá	222		23.037.863.191	22.417.066.170
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.137.280.079)	(8.154.195.403)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	4.043.559.333	3.537.132.813
-	- Nguyên giá	225		5.869.605.642	4.783.009.781
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(1.826.046.309)	(1.245.876.968)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
3	Tài sản cố định vô hình	227		2.345.122.125	2.397.235.953
	- Nguyên giá	228	V.09	2.605.691.260	2.605.691.260
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(260.569.135)	(208.455.307)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	- Nguyên giá	241			
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6.926.995.340	7.882.000.000
1	Đầu tư vào công ty con	251			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	6.926.995.340	7.882.000.000
4	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259			
V.	Tài sản dài hạn khác	260		682.916.660	562.968.660
1	Chi phí trả trước dài hạn	261			
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3	Tài sản dài hạn khác	268	V.11	682.916.660	562.968.660
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		75.288.626.483	74.362.177.834

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		42.684.150.638	38.859.861.779
I.	Nợ ngắn hạn	310		41.340.238.959	36.721.466.381
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	23.418.890.981	20.763.275.480
2	Phải trả người bán	312		16.324.883.935	12.767.913.908
3	Người mua trả tiền trước	313		928.118.000	2.163.779.486
4	Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	314	V.13	479.368.462	396.610.386
5	Phải trả người lao động	315			367.733.100
6	Chi phí phải trả	316			-
7	Phải trả nội bộ	317			
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	693.322.950	535.894.420
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(504.345.369)	(273.740.399)
II.	Nợ dài hạn	330		1.343.911.679	2.138.395.398
1	Phải trả dài hạn người bán	331			
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3	Phải trả dài hạn khác	333			
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.15	1.343.911.679	2.138.395.398
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8	Doanh thu chưa thực hiện	338			
9	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		32.604.475.845	35.502.316.055
I.	Vốn chủ sở hữu	410		32.604.475.845	35.502.316.055
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.16	27.482.700.000	27.482.700.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412			
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4	Cổ phiếu quỹ	414			
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.16	2.027.762.786	2.027.762.786
8	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.16	1.134.499.474	1.134.499.474
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10	Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.16	1.959.513.585	4.857.353.795
11	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
2	Nguồn kinh phí	432			
3	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		75.288.626.483	74.362.177.834

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

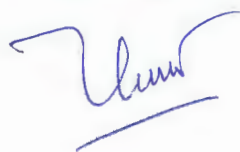
Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

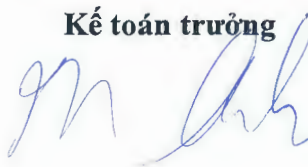
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hoá nhận gửi hộ, nhận gia công				
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại (USD)				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Người lập biểu



Phan Văn Vàng

Kế toán trưởng



Vũ Xuân Mạch

Lập, ngày 09 tháng 04 năm 2011

Tổng Giám Đốc



Phạm Văn Tiến



CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2010**

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.17	99.844.085.149	137.267.410.658
2	Các khoản giảm trừ	2	VI.18		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.19	99.844.085.149	137.267.410.658
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.20	94.783.025.150	123.788.647.609
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.061.059.999	13.478.763.049
6	Doanh thu tài chính	21	VI.21	2.434.614.791	145.622.846
7	Chi phí tài chính	22	VI.22	3.169.942.443	2.314.731.235
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.169.942.443	2.314.731.235
8	Chi phí bán hàng	24		565.603.808	960.032.841
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.869.903.231	5.751.294.365
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(1.109.774.692)	4.598.327.454
11	Thu nhập khác	31	VI.23	1.582.396.323	671.214.957
12	Chi phí khác	32	VI.24	258.913.269	400.707.579
13	Lợi nhuận khác	40		1.323.483.054	270.507.378
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.25	213.708.362	4.868.834.832
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.25	46.480.143	333.374.936
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.25	167.228.219	4.535.459.896
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.27	61	1.650

Người lập biểu

Phan Văn Vàng

Kế toán trưởng

Vũ Xuân Mạch

Lập, ngày 09 tháng 4 năm 2011

Tổng Giám Đốc



Phạm Văn Tiến

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm nay	Năm trước
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	103.729.837.886	137.512.060.492
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(55.251.463.556)	(129.337.880.815)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.424.102.006)	(6.782.417.220)
4	Tiền chi trả lãi vay	04	(3.013.626.227)	(2.457.832.990)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(347.021.864)	(505.441.224)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.844.742.358	6.375.380.733
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(12.297.104.248)	(6.308.437.067)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20	32.241.262.343	(1.504.568.091)
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13.155.133)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.992.845.000)	
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.204.365.000	
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	103.828.371	32.730.460
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.315.348.371	19.575.327
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	47.520.939.453	74.582.799.411
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(80.808.997.749)	(69.724.629.875)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.219.015.192)	(797.329.374)
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.687.810.000)	(1.374.135.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(37.194.883.488)	2.686.705.162
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (20+30+40)	50	(1.638.272.774)	1.201.712.398
1	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.334.787.155	2.133.074.757
	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
2	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	1.696.514.381	3.334.787.155

Người lập biểu

Phan Văn Vàng
Phan Văn Vàng

Kế toán trưởng

Vũ Xuân Mạch
Vũ Xuân Mạch

Lập, ngày 09 tháng 11 năm 2011

Tổng Giám Đốc



Phạm Văn Tiến
Phạm Văn Tiến

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hồng Hà Long An được thành lập theo Biên bản thỏa thuận số 01/05 BB – HH-LA ngày 01/08/2005 về việc thành lập và góp vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần Hồng Hà - Long An. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100692291 (số cũ 5003000119 ngày 14/9/2005), giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10 ngày 08/12/2010 do phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Long An cấp.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất kinh doanh.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- 1 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Mã ngành: 4290 (chính)
- 2 - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản. Mã ngành: 46204
- 3 - Bán buôn thủy sản. Mã ngành: 46322.
- 4 - Bán buôn gạo. Mã ngành: 46310.
- 5 - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh. Mã ngành: 47222.
- 6 - Xây dựng lắp đặt, sửa chữa các công trình dân dụng, công nghiệp, các công trình kỹ thuật, hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, xử lý môi trường; cung cấp, lắp đặt đường dây, trạm biến áp, thiết bị công nghiệp, hệ thống cơ lạnh; thi công trang trí nội thất công trình; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, giám sát xây dựng công trình, quản lý dự án các công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; kinh doanh nhà; dịch vụ môi giới, tư vấn về bất động sản; sản xuất kinh doanh thiết bị xây dựng kết cấu thép tiền chế, các sản phẩm cơ khí, phân bón, hóa chất, trang thiết bị, dụng cụ trường học, bệnh viện, văn phòng, thể thao; mua bán vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, phụ tùng; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách bằng đường bộ và đường thủy; cho thuê thiết bị, máy móc xây dựng, thiết bị dây chuyền sản xuất vật liệu xây dựng.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

- Do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới nên Việt Nam cũng bị tác động. Các dự án đầu tư xây dựng mới của các nhà đầu tư trong và ngoài nước tại thị trường tỉnh Long An giảm sút rất nhiều dẫn đến sản lượng bê tông tại khu vực tỉnh Long An sụt giảm nhiều so với trung bình năm trước. Vì vậy sản lượng bê tông của Công ty cũng giảm sút đáng kể.
- Do cơ chế thị trường tự do, các Công ty sản xuất ngành bê tông cạnh tranh gay gắt, giá bê tông bán giảm, sản lượng bán không đạt được như kế hoạch đề ra nên dẫn đến kết quả kinh doanh của Công ty không đạt được lợi nhuận cao.
- Tình hình thu hồi Công nợ của các khách hàng mua bê tông không thuận lợi, các khách hàng không thanh toán tiền hàng đúng kỳ hạn nên Công ty đã không thể trả nợ cho các khoản vay với Ngân hàng. Mặt khác đối với các khoản nợ trên 1 năm không thu hồi được Công ty phải thực



hiện lập dự phòng vào chi phí theo thông tư hướng dẫn số 228/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính nên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

- Do ảnh hưởng lạm phát tại Việt Nam, giá đầu vào của nguyên liệu (Xi măng, đá, cát, xăng dầu) tăng, chi phí tiền lương của người lao động doanh nghiệp phải chi trả cao hơn so với chi phí tiền lương của các năm trước. Cộng với sự thắt chặt chính sách tiền tệ của các Ngân hàng, lãi suất Ngân hàng tăng cao đã làm tăng chi phí lãi vay của Công ty trong năm 2010 do Công ty phần lớn sử dụng vốn vay của Ngân hàng để kinh doanh.
- Tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn, sản lượng tiêu thụ giảm, nhiều tài sản của Công ty hoạt động chưa hết công suất nhưng Công ty vẫn phải trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng nên ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Công ty.
- Các tài sản của Công ty là xe vận tải bê tông tươi, do xe đã đưa vào vận chuyển bê tông tươi với thời gian 3-5 năm, năm 2010 toàn bộ xe vận tải đến chu kỳ sửa chữa, bảo dưỡng và thay thế các phụ tùng Công ty phải hạch toán vào chi phí nên làm tăng chi phí của Công ty và giảm lợi nhuận đi đáng kể.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- 1- Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2- Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung được thực hiện trên máy vi tính.

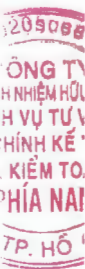
IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác



CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN

Địa chỉ: Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào doanh thu tài chính và chi phí tài chính trong kỳ.

Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Công ty áp dụng nguyên tắc bình quân gia quyền để đánh giá hàng tồn kho.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Công ty không phát sinh khoản dự phòng hàng tồn kho)

3. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại thông tư 203/2009/TT-BTC ban hành ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

Loại tài sản

- Nhà cửa, vật kiến trúc
- Máy móc thiết bị
- Phương tiện vận tải
- Thiết bị văn phòng
- Tài sản cố định vô hình
- Tài sản thuê tài chính

Thời gian khấu hao

- 08 - 15 năm
- 05 - 15 năm
- 06 - 10 năm
- 03 - 06 năm
- 50 năm
- 08 - 10 năm



4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “chi phí đi vay”

5. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả được lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

(Công ty chưa thực hiện lập dự phòng cho các khoản nợ phải trả)

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các



khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

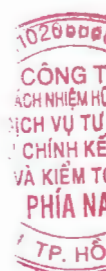
Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

01- TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	310.227.352	686.039.653
- Tiền gửi ngân hàng	1.386.287.029	2.648.747.502
<i>Tiền gửi bằng đồng Việt Nam (VND)</i>	<i>1.386.287.029</i>	<i>2.648.747.502</i>
+ Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển - CN TP.HCM	1.377.773.019	2.637.716.681
+ Ngân hàng Kỹ Thương - Techcombank	1.074.112	1.065.172
+ Ngân hàng ANZ	5.724.002	8.877.685
+ Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	1.715.896	1.087.964
CỘNG	1.696.514.381	3.334.787.155

Ghi chú: - Số dư tiền mặt tại quỹ khớp với biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt vào ngày 31/12/2010.

- Số dư cuối kỳ của tiền gửi tại các ngân hàng khớp với sổ phụ ngân hàng ngày 31/12/2010.

02- CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu khách hàng	41.797.183.022	37.195.592.447
- Trả trước cho người bán	65.841.841	93.920.175
- Các khoản phải thu khác	202.366.877	330.816.026
+ Công ty Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế VILC	140.798.092	94.815.006
+ Công ty Cho Thuê Tài Chính CILC	5.595.228	17.904.756
+ Phải thu khác (dư Nợ TK 338)	6.873.815	6.873.815
+ Thuế TNCN phải thu	44.289.495	71.808.340
+ Thuế GTGT chưa kê khai khấu trừ	4.810.247	139.414.109
- Dự phòng phải thu khó đòi	(3.003.541.563)	(1.991.722.461)
CỘNG	39.061.850.177	35.628.606.187

03- HÀNG TỒN KHO	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá gốc hàng tồn kho	3.412.871.206	3.598.756.195
+ Hàng mua đang đi đường	96.143.999	69.447.385
+ Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	1.706.812.022	2.443.071.132
+ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	1.609.915.185	1.086.237.678
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	3.412.871.206	3.598.756.195

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

Ghi chú:

- (*): Giá trị trên chỉ tiêu chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (đầu kỳ và cuối kỳ) là số lượng bê tông đã xuất cho khách hàng vào thời điểm kết thúc niên độ kế toán nhưng chưa được khách hàng xác nhận, đơn vị treo lại khoản chi phí này để khi có xác nhận của khách hàng mua bê tông, đơn vị sẽ xuất hóa để ghi nhận doanh thu và kết chuyển vào giá vốn. Giá trị này thực chất không phải là chi phí SXKD dở dang cuối kỳ.
- Trong số dư chi phí SXKD dở dang cuối kỳ có **534.504.117** đồng là khoản chi phí lắp đặt trạm bê tông 30m³/h cho Công Ty Cổ Phần Đầu Tư & XD Công Nghệ 10 theo Hợp đồng kinh tế số 101-06/HĐKT ngày 25/09/2006. Chi phí này đến 31/12/2010 vẫn chưa quyết toán được với khách

04- CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

- Chi phí công cụ dụng cụ chưa phân bổ
- Chi phí sửa chữa tài sản
- Chi phí khác

Số cuối năm

Số đầu năm

72.511.741

490.651.575

402.574.885

942.055.030

2.053.513.280

100.064.975

CỘNG

2.528.599.906

1.532.771.580

05- THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa

Số cuối năm

Số đầu năm

19.399.285

CỘNG

19.399.285

-

06- TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

- Các khoản tạm ứng cá nhân

Số đầu năm

Số đầu năm

1.670.214.958

1.529.242.673

CỘNG

1.670.214.958

1.529.242.673

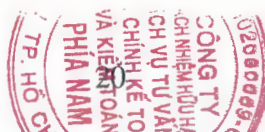


CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

07- TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu		Nhà cửa - Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
I.	Nguyên giá						
1.	Số dư đầu năm	4.438.855.154	5.582.354.027	12.034.097.949	169.365.703	192.393.337	22.417.066.170
2.	Số tăng trong năm	-	501.000.000	390.261.818	-	-	891.261.818
	- Tăng do mua sắm mới		501.000.000	390.261.818			891.261.818
	- Tăng khác						-
3.	Số giảm trong năm	-	-	270.464.797	-	-	270.464.797
	- Giảm do thanh lý			270.464.797			270.464.797
	- Giảm khác						-
4.	Số dư cuối năm	4.438.855.154	6.083.354.027	12.153.894.970	169.365.703	192.393.337	23.037.863.191
II.	Giá trị hao mòn lũy kế						
1.	Số dư đầu năm	1.439.774.048	2.085.709.383	4.466.975.350	123.257.974	38.478.648	8.154.195.403
2.	Khấu hao trong năm	381.437.965	467.124.403	1.225.091.007	19.617.867	19.239.324	2.112.510.566
3.	Số giảm trong năm	-	-	129.425.890	-	-	129.425.890
	- Giảm do thanh lý			129.425.890			
4.	Số dư cuối năm	1.821.212.013	2.552.833.786	5.562.640.467	142.875.841	57.717.972	10.137.280.079
III.	Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
1.	Tại ngày đầu năm	2.999.081.106	3.496.644.644	7.567.122.599	46.107.729	153.914.689	14.262.870.767
2.	Tại ngày cuối năm	2.617.643.141	3.530.520.241	6.591.254.503	26.489.862	134.675.365	12.900.583.112



CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

08- TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu		Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ				
1. Số dư đầu năm		-	4.783.009.781	4.783.009.781
2. Số tăng trong năm		1.086.595.861		1.086.595.861
3. Số giảm trong năm		-	-	-
- Giảm do thanh lý				-
- Giảm khác				-
4. Số dư cuối năm		1.086.595.861	4.783.009.781	5.869.605.642
II. Giá trị hao mòn lũy kế				-
1. Số dư đầu năm		-	1.245.876.968	1.245.876.968
2. Khấu hao trong năm		101.868.363	478.300.978	580.169.341
3. Số giảm trong năm		-	-	-
- Giảm do thanh lý				-
- Giảm khác				-
4. Số dư cuối năm		101.868.363	1.724.177.946	1.826.046.309
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính				
1. Tại ngày đầu năm		-	3.537.132.813	3.537.132.813
2. Tại ngày cuối năm		984.727.498	3.058.831.835	4.043.559.333

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

09- TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu		Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ			
1. Số dư đầu năm		2.605.691.260	2.605.691.260
2. Số tăng trong năm			-
3. Số giảm trong năm			-
4. Số dư cuối năm		2.605.691.260	2.605.691.260
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm		208.455.307	208.455.307
2. Khấu hao trong năm		52.113.828	52.113.828
3. Số giảm trong năm			-
4. Số dư cuối năm		260.569.135	260.569.135
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
1. Tại ngày đầu năm		2.397.235.953	2.397.235.953
2. Tại ngày cuối năm		2.345.122.125	2.345.122.125

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

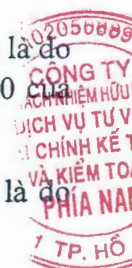
Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

10- ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Tên cổ phiếu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1. Cổ phiếu Công ty Cổ phần XD&KD địa ốc Tân Kỳ	33	145.340	110.000	2.100.000.000
2. Cổ phiếu Công ty Cổ phần ĐT&PT Hồng Hà	629.685	6.296.850.000	508.200	5.082.000.000
3. Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hồng Hà - Bà Rịa	63.000	630.000.000	70.000	700.000.000
CỘNG		6.926.995.340		7.882.000.000

Lý do tăng giảm đối với từng khoản đầu tư:

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần XD&KD địa ốc Tân Kỳ giảm là do Công ty thực hiện việc mua bán Cổ phiếu theo Biên bản họp Hội đồng quản trị mở rộng số: 64/09/BB-HĐQT ngày 13/11/2009. Giá trị đầu tư Cổ phiếu cuối kỳ là 33 cổ phiếu với giá bình quân 4.404 đ/Cp, tương ứng giá trị 145.340 đồng.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần ĐT&PT Hồng Hà tăng 121.485 Cp, tương ứng 1.214.850.000 đồng là do Công ty thực hiện kế hoạch góp vốn đợt 4 theo thông báo số 10/TB-HĐQT ngày 15/01/2010 của Công ty Cổ phần ĐT&PT Hồng Hà.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hồng Hà - Bà Rịa giảm 7.000 Cp, tương ứng 70.000.000 đồng là do Công ty Cổ phần Hồng Hà - Bà Rịa giảm 10% vốn điều lệ, Công ty nhận lại tiền.

**11- TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ký quỹ thuê tài chính - Công ty Cho Thuê Tài Chính Quốc tế (VILC)	423.289.945	303.341.945
- Đặt cọc mua xe trộn bê tông & cọc bơm ngang - Công ty Cho Thuê Tài Chính (CILC)	187.626.715	187.626.715
- Đặt cọc thuê mặt bằng	72.000.000	72.000.000
CỘNG	682.916.660	562.968.660

12- VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn	21.740.000.000	18.396.752.806
+ Vay ngắn hạn của các cá nhân	240.000.000	300.000.000
* Ông Vũ Xuân Mạch	10.000.000	-
* Ông Nguyễn Trần Long	150.000.000	300.000.000
* Ông La Vĩnh Nhơn	80.000.000	-
+ Vay ngắn hạn Cty CP Đầu Tư & Phát triển Hồng Hà	1.500.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

+ Vay ngắn hạn NH Đầu Tư & Phát Triển - CN TPHCM	20.000.000.000	15.103.965.364
+ Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex		2.992.787.442
- Nợ dài hạn đến hạn trả	1.678.890.981	2.366.522.674
+ Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển - CN TPHCM	616.000.000	1.457.766.870
+ Ngân hàng ANZ	5.700.365	63.177.533
+ Công ty cho thuê tài chính Quốc tế VN VILC	704.619.192	493.006.847
+ Công ty cho thuê tài chính Quốc tế CILC	352.571.424	352.571.424
CỘNG	23.418.890.981	20.763.275.480

Ghi chú:

- Số dư các khoản vay ngân hàng khớp với xác nhận của ngân hàng tại ngày 31/12/2010.
- Số dư khoản vay các cá nhân khớp với biên bản xác nhận vốn vay tại ngày 31/12/2010.
- Khoản vay ngắn hạn **Ngân hàng Đầu Tư Và Phát Triển - CN TPHCM** được thực hiện theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 00310/2010/0000490 ngày 20/05/2010, trong đó:

+ Hạn mức tín dụng:**20.000.000.000**

(Hạn mức này đã bao gồm dư nợ vay và bảo lãnh thanh toán của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 00310/2009/0000355 ngày 12/05/2009).

+ Tài sản thế chấp:

- * Quyền sử dụng đất tại xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp số 02/2005/1007218 ngày 02/12/2005.
- * Tài sản gắn liền với đất là Nhà máy bê tông số 1 tại xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp số 04/2007/1007218 ngày 14/02/2007.
- * Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 42/2006/1007218 ngày 14/08/2006.
- * Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 39/2007/1007218 ngày 30/05/2007.
- * Tài sản gắn liền với đất là Nhà máy bê tông số 2 tại xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp số 26/2007/1007218 ngày 08/05/2007.
- * Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 38/2007/1007218 ngày 30/05/2007.
- * Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 115/2007/1007218 ngày 15/11/2007.
- * Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 75/2008/1007218 ngày 23/09/2008.
- * Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 43/2008/1007218 ngày 17/06/2008.
- * Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 71/2007/1007218 ngày 02/08/2007.
- * Thế chấp tài sản gắn liền với đất là nhà xưởng nhà máy bê tông số 3 tại Xã Lợi Bình Nhơn, Thị xã Tân An, tỉnh Long An.
- * Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Bên vay tại Ngân hàng ĐT&PT - CNTPHCM và tại các Tổ chức tín dụng khác.
- * Các khoản phải thu theo các Hợp đồng được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà Bên vay là người thụ hưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

13- THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	382.774.074	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	281.142.436
- Thuế thu nhập cá nhân phải nộp	96.594.388	115.467.950
CỘNG	479.368.462	396.610.386

14- CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	371.163.247	262.671.949
- Phải trả, phải nộp khác (Tiền đặt cọc của lái xe)	134.500.000	191.000.000
- Bảo hiểm y tế		5.114.142
- Bảo hiểm xã hội	864.836	48.826.284
- Phải trả khác	50.717.727	-
- Thuế TNCN 2008 phải trả CNV theo quyết toán thuế		17.328.990
- Thuế TNCN được miễn phải trả người môi giới		10.953.055
- Cổ tức phải trả cho cổ đông	60.460.000	-
- Phải trả về sửa chữa	75.617.140	-
CỘNG	693.322.950	535.894.420

15- VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay dài hạn	70.005.012	537.616.641
+ Vay Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Tp. HCM	70.005.012	532.005.012
+ Vay dài hạn Ngân hàng ANZ		5.611.629
- Nợ dài hạn	1.273.906.667	1.600.778.757
+ Thuê tài chính - Công ty cho thuê tài chính VILC	1.138.478.091	1.099.350.181
+ Thuê tài chính - Công ty cho thuê tài chính CILC	135.428.576	501.428.576
CỘNG	1.343.911.679	2.138.395.398

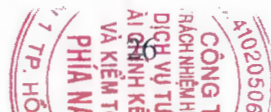
Ghi chú: - Số dư các khoản vay dài hạn khớp với xác nhận của các ngân hàng tại ngày 31/12/2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

16- VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
A	1	2	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	27.482.700.000	-	-	1.608.088.304	924.662.233	3.083.930.179
Tăng vốn trong năm trước						
Lãi trong năm trước						4.535.459.896
Tăng khác				419.674.482	209.837.241	
Giảm vốn trong năm trước						
Lỗ trong năm trước						
Giảm khác						2.762.036.280
Số dư cuối năm trước	27.482.700.000	-	-	2.027.762.786	1.134.499.474	4.857.353.795
Số dư đầu năm nay	27.482.700.000	-	-	2.027.762.786	1.134.499.474	4.857.353.795
Tăng vốn trong năm nay						
Lãi trong năm nay						167.228.219
Tăng khác				91.915.951	45.957.976	130.000
Giảm vốn trong năm nay						
Lỗ trong năm nay						
Giảm khác				91.915.951	45.957.976	3.065.198.429
Số dư cuối năm nay	27.482.700.000	-	-	2.027.762.786	1.134.499.474	1.959.513.585



CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN**Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.**

b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của các cổ đông (Bao gồm các Cổ đông sáng lập và các Cổ đông khác)	27.482.700.000	27.482.700.000
Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu	27.482.700.000	27.482.700.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.482.700.000	27.482.700.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	27.482.700.000	27.482.700.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	2.687.810.000	1.374.135.000
d. Cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.748.270	2.748.270
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.748.270	2.748.270
+ Cổ phiếu phổ thông	2.748.270	2.748.270
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.748.270	2.748.270
+ Cổ phiếu phổ thông	2.748.270	2.748.270
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cp (Mười ngàn đồng / cổ phiếu).</i>		
e. Các quỹ của doanh nghiệp	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	2.027.762.786	2.027.762.786
- Quỹ dự phòng tài chính	1.134.499.474	1.134.499.474
Cộng	3.162.262.260	3.162.262.260

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

17- TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CCDV	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	99.844.085.149	137.267.410.658
CỘNG	99.844.085.149	137.267.410.658

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN**Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.**

18- CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại		
- Hàng bán bị trả lại		
CỘNG	-	-
19- DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CCDV	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần về bán hàng	99.844.085.149	137.267.410.658
CỘNG	99.844.085.149	137.267.410.658
20- GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng bán	94.783.025.150	123.788.647.609
CỘNG	94.783.025.150	123.788.647.609
21- DOANH THU TÀI CHÍNH	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	83.666.967	32.730.460
- Cổ tức được chia		100.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ		825
- Chiết khấu thanh toán được hưởng		12.891.561
- Thu nhập về hoạt động mua bán chứng khoán	2.350.947.824	
CỘNG	2.434.614.791	145.622.846
22- CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay vốn cố định (vay dài hạn ngân hàng)	195.804.332	279.503.282
- Chi phí lãi vay vốn lưu động (vay ngắn hạn ngân hàng)	2.517.415.711	1.353.798.435
- Chi phí lãi thuê tài chính	342.158.073	344.643.418
- Chi phí lãi vay cá nhân và đối tượng khác	114.564.327	336.786.100
CỘNG	3.169.942.443	2.314.731.235
23- THU NHẬP KHÁC	Năm nay	Năm trước
- Thu về thanh lý TSCĐ	318.181.818	238.095.238
- Chiết khấu sản lượng nhận bằng hàng hóa	64.518.936	138.958.145
- Chiết khấu hỗ trợ xi măng Nghi Sơn	1.031.328.600	233.083.600
- Xử lý công nợ	78.707.669	
- Thu nhập khác	89.659.300	61.077.974
CỘNG	1.582.396.323	671.214.957

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN**Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.****24- CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	141.038.907	284.202.614
- Xử lý nợ khó đòi		36.492.406
- Chí phí khác	117.874.362	80.012.559
CỘNG	258.913.269	400.707.579

25- THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do đó số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	213.708.362	4.868.834.832
- Các khoản điều chỉnh Tăng hoặc Giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	182.710.765	(24.403.594)
+ Các khoản điều chỉnh Tăng	182.710.765	75.596.406
* <i>Chi phí không có hóa đơn chứng từ</i>	182.710.765	75.596.406
+ Các khoản điều chỉnh Giảm	-	(100.000.000)
* <i>Cổ tức được chia</i>		(100.000.000)
- Tổng thu nhập chịu thuế	396.419.127	4.844.431.238
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	46.480.143	333.374.936
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	167.228.219	4.535.459.896

Ghi chú:

- Thu nhập chịu thuế của nhà máy 1, nhà máy 2, nhà máy 3 được xác định theo tỷ lệ doanh thu của từng nhà máy trên tổng doanh thu.
- Thuế suất thuế TNDN của nhà máy 1 là 15%, nhà máy 2 và nhà máy 3 là 25%.
- Thuế TNDN của Nhà máy 1 và Nhà máy 3 đang trong giai đoạn được giảm 50% thuế TNDN.

26- PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN TRONG NĂM 2010

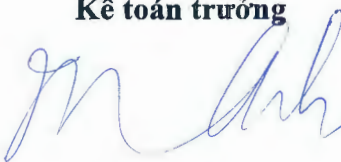
- Lợi nhuận còn lại đầu kỳ	(1)	4.857.353.795
- Lợi nhuận kinh doanh năm 2010	(2)	167.228.219
- Điều chỉnh tăng lợi nhuận	(3)	130.000
- Các khoản phân phối trong năm 2010	(4)	3.065.198.429
+ Các khoản chi từ lợi nhuận sau thuế		103.428.429
+ Trích thù lao HĐQT		213.500.000
+ K/c lợi nhuận sang TK 3388 để chia cổ tức		2.748.270.000
- Lợi nhuận còn lại đến ngày 31/12/2010 = (1)+(2)+(3)-(4)		1.959.513.585

27- LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Ký nay</u>	<u>Ký trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	167.228.219	4.535.459.896
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.748.270	2.748.270
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	61	1.650

28- SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng Cân đối kế toán là số liệu của năm tài chính 2009 kết thúc ngày 31/12/2009, đã được thực hiện kiểm toán bởi Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu*Phan Văn Vàng***Kế toán trưởng***Vũ Xuân Mạch**Lập, ngày 09 tháng 4 năm 2011***Tổng Giám Đốc***Phạm Văn Tiên*